

Số: *1388*/QĐ-BQP

Hà Nội, ngày *12* tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành,
thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc
phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng**

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần tại Tờ trình số: 773 TTr-TCHC ngày 02/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 20 thủ tục hành chính mới ban hành và 24 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 24 thủ tục hành chính lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh tại Quyết định số 6184/QĐ-BQP ngày 28/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố Bộ thủ tục hành chính hiện hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *thực*

Nơi nhận:

- Các đồng chí Lãnh đạo BQP⁰⁸;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ²²;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP⁶⁷;
- VPBQP: CVP, PCVP (BĐ, CCHC);
- Cổng Thông tin điện tử BQP (để đăng tải);
- Cục Quân y/TCHC;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, BĐ, CCHC. Tr107.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Huy Vịnh

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
BỊ BỎ LỖI LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-BQP ngày 12 tháng 4 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Bộ Quốc phòng

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG			
1	Thủ tục cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
2	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
3	Thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
4	Thủ tục điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
5	Thủ tục công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện là cơ sở hướng dẫn thực hành	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
6	Thủ tục cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
7	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
8	Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
9	Thủ tục đình chỉ hành nghề của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
10	Thủ tục cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
11	Thủ tục đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn của cơ sở	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	khám bệnh, chữa bệnh		
12	Thủ tục cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động sau khi bị đình chỉ	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
13	Thủ tục thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
14	Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
15	Thủ tục cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
16	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
17	Thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
18	Thủ tục điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
19	Thủ tục đình chỉ hành nghề của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần
20	Thủ tục thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/ Tổng cục Hậu cần

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG					
1	1.002476	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân		
2	1.004799	Thủ tục cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
3	1.008254	Thủ tục cấp bổ sung kỹ thuật chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
4	1.004874	Thủ tục cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
5	1.004835	Thủ tục cấp thay đổi thông tin cá nhân, văn bằng chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			vũ trang nhân dân		
6	1.004806	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề đối với người bị mất hoặc bị hư hỏng	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
7	1.005196	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã bị thu hồi theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
8	2.001644	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
9	1.003852	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trung tâm thuộc Bộ Quốc phòng	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
10	1.003791	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh xá thuộc	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính	Khám bệnh, chữa	Cục Quân y/Tổng cục Hậu

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		Bộ Quốc phòng	phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	bệnh	cần
11	2.001122	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa thuộc Bộ Quốc phòng	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
12	1.004530	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc Bộ Quốc phòng	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
13	1.004535	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
14	1.004542	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân		
15	1.004558	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
16	1.004567	Thủ tục điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật khám bệnh, chữa bệnh	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
17	1.004554	Thủ tục thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
18	1.004544	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng bị mất hoặc	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		bị hư hỏng hoặc bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Luật khám bệnh, chữa bệnh	khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân		
19	2.001836	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề của người hành nghề thuộc Bộ Quốc phòng	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
20	1.004519	Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
21	1.004506	Thủ tục đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
22	2.001422	Thủ tục đình chỉ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân		
23	1.003368	Thủ tục cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần
24	2.001419	Thủ tục cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động sau khi bị đình chỉ	Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	Khám bệnh, chữa bệnh	Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần



PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

1. Thủ tục cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đề nghị cấp giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Phòng/Ban quân y cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của người hành nghề và công văn đề nghị của Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết.

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền cấp mới giấy phép hành nghề. Trường hợp không cấp mới giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cấp có thẩm quyền ban hành quyết định cấp mới giấy phép hành nghề và trả giấy phép hành nghề cho người hành nghề.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Trường hợp 1: Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề đối với trường hợp người lần đầu tiên đề nghị cấp giấy phép hành nghề quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Một trong các giấy tờ sau: Văn bản xác nhận đạt kết quả tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp đã được Bộ Y tế công nhận;

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

d) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

2. Trường hợp 2: Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề đối với trường hợp người hành nghề thay đổi chức danh chuyên môn đã được ghi trên giấy phép hành nghề quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh gồm:

a) Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Một trong các giấy tờ sau: Văn bản xác nhận đạt kết quả tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp đã được Bộ Y tế công nhận;

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

d) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

đ) Bản chính giấy phép hành nghề.

3. Trường hợp 3: Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề đối với trường hợp người hành nghề bị thu hồi giấy phép hành nghề thuộc các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 5, khoản 6, điểm c khoản 7 Điều 34 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP:

a) Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Một trong các giấy tờ sau: Văn bản xác nhận đạt kết quả tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp đã được Bộ Y tế công nhận;

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

d) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

đ) Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề.

4. Trường hợp 4: Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề đối với trường hợp người hành nghề không thực hiện giá hạn giấy phép hành nghề quy

định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trên 24 tháng, kể từ ngày hết hạn trong giấy phép hành nghề:

a) Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Một trong các giấy tờ sau: Văn bản xác nhận đạt kết quả tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp đã được Bộ Y tế công nhận;

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

d) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

đ) Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:* 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

- *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy phép hành nghề.

- *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

* *Yêu cầu:* Đối với văn bằng đào tạo chuyên khoa, chứng chỉ đào tạo kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh, tâm lý lâm sàng

1. Yêu cầu đối với văn bằng đào tạo chuyên khoa trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh do cơ sở đào tạo trong nước cấp:

a) Được cấp bởi cơ sở đào tạo hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b) Thời gian đào tạo tối thiểu 18 tháng.

2. Yêu cầu đối với chứng chỉ đào tạo kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh:

a) Được cấp bởi cơ sở đào tạo đã có ít nhất 01 khóa đào tạo chức danh hành nghề tương ứng đã tốt nghiệp hoặc là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp có thẩm quyền cho phép triển khai thực hiện các kỹ thuật chuyên môn tương ứng với thời hạn tối thiểu 06 tháng;

b) Chương trình và tài liệu đào tạo chứng chỉ kỹ thuật chuyên môn do cơ sở đào tạo xây dựng, thẩm định và ban hành hoặc sử dụng của cơ sở đào tạo khác khi được cơ sở đó đồng ý bằng văn bản; nội dung chương trình, khối lượng

học tập, giảng viên phù hợp với danh mục kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.

3. Trường hợp văn bằng đào tạo chuyên khoa được sử dụng để điều chỉnh phạm vi hành nghề theo quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP phải có thời điểm bắt đầu đào tạo sau ngày được cấp giấy phép hành nghề hoặc điều chỉnh giấy phép hành nghề.

4. Việc đào tạo văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải được cơ sở đào tạo công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

** Điều kiện:* Kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

1. Điều kiện về văn bằng của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực để cấp giấy phép hành nghề đối với các chức danh chuyên môn:

a) Đối với chức danh bác sỹ, gồm: Văn bằng bác sỹ đa khoa, văn bằng bác sỹ y khoa và các văn bằng bác sỹ tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là văn bằng bác sỹ y khoa), văn bằng bác sỹ răng hàm mặt, văn bằng bác sỹ y học cổ truyền, văn bằng bác sỹ y học dự phòng được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề tương ứng là bác sỹ đa khoa, bác sỹ răng hàm mặt, bác sỹ y học cổ truyền, bác sỹ y học dự phòng.

* Văn bằng bác sỹ chuyên khoa được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề theo phạm vi hành nghề bác sỹ chuyên khoa tương ứng;

b) Đối với chức danh y sỹ, gồm: Văn bằng y sỹ đa khoa, văn bằng cao đẳng y sỹ đa khoa, văn bằng cao đẳng y sỹ y học cổ truyền hoặc văn bằng cao đẳng y học cổ truyền và các văn bằng y sỹ tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là văn bằng y sỹ) được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề y sỹ tương ứng;

c) Đối với chức danh điều dưỡng, gồm: Văn bằng cử nhân điều dưỡng; văn bằng cao đẳng điều dưỡng được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề theo phạm vi hành nghề điều dưỡng đa khoa.

Văn bằng điều dưỡng chuyên khoa được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề theo phạm vi hành nghề điều dưỡng chuyên khoa tương ứng;

d) Đối với chức danh hộ sinh, gồm: Văn bằng cao đẳng hộ sinh, văn bằng cử nhân hộ sinh được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề hộ sinh đa khoa.

Văn bằng hộ sinh chuyên khoa được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề hộ sinh chuyên khoa tương ứng;

đ) Đối với chức danh kỹ thuật y, gồm: Văn bằng trung cấp, văn bằng cao đẳng, văn bằng cử nhân của kỹ thuật xét nghiệm y học, kỹ thuật hình ảnh y học,

kỹ thuật phục hình răng, khúc xạ nhãn khoa, kỹ thuật phục hồi chức năng, vật lý trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu, dụng cụ chỉnh hình và chân tay giả, kỹ thuật phục hồi chức năng được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề cơ bản tương ứng.

Văn bằng kỹ thuật y chuyên khoa được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề kỹ thuật y chuyên khoa tương ứng;

e) Đối với chức danh dinh dưỡng lâm sàng, gồm: Văn bằng cao đẳng dinh dưỡng, văn bằng cử nhân dinh dưỡng và bác sỹ có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa về dinh dưỡng lâm sàng được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề cơ bản.

Văn bằng dinh dưỡng lâm sàng chuyên khoa được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề dinh dưỡng chuyên khoa tương ứng;

g) Đối với chức danh tâm lý lâm sàng, gồm: Văn bằng cử nhân điều dưỡng tâm lý lâm sàng, văn bằng cử nhân hộ sinh, văn bằng cử nhân tâm lý học và bác sỹ có chứng chỉ đào tạo về tâm lý lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề.

Văn bằng thạc sỹ tâm lý học lâm sàng, tiến sỹ tâm lý học lâm sàng, văn bằng đào tạo chuyên khoa sau đại học về tâm lý lâm sàng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề tâm lý lâm sàng tương ứng tương ứng;

h) Đối với chức danh cấp cứu viên ngoại viện, gồm: Văn bằng quy định tại một trong các điểm a, b, c và d hoặc đ khoản này, văn bằng cao đẳng cấp cứu ngoại viện, văn bằng cử nhân cấp cứu ngoại viện được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo phạm vi hành nghề tương ứng là cấp cứu viên ngoại viện;

i) Người có văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học, cử nhân hoặc Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng của các chức danh chuyên môn quy định tại khoản này, thì được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo chức danh và phạm vi hành nghề tương ứng.

Đối với văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp cho chức danh bác sỹ phải hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì được tham dự kiểm tra đánh giá năng lực theo chức danh chuyên môn là bác sỹ với phạm vi hành nghề tương ứng là bác sỹ đa khoa, bác sỹ răng hàm mặt, bác sỹ y học cổ truyền, bác sỹ y học dự phòng.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 01. Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...[1] ..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi:

Họ và tên:

Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email: (nếu có):.....

Văn bằng chuyên môn:[2].....

Tôi xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau: [3]

(1)

(2)

(3)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Địa danh.

[2] Ghi theo đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[3] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

2. Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 9 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Phòng/Ban quản y cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của người hành nghề và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết.

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền cấp lại giấy phép hành nghề. Trường hợp không cấp lại giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cấp có thẩm quyền ban hành quyết định cấp lại giấy phép hành nghề và trả giấy phép hành nghề cho người hành nghề.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Trường hợp 1: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Văn bản xác nhận đã được cơ quan cấp phép không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân cấp giấy phép hành nghề trong đó nêu rõ số giấy phép hành nghề, ngày cấp, nơi cấp, thông tin cá nhân, chức danh chuyên môn, phạm vi hành nghề;

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

d) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

2. Trường hợp 2: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Văn bản xác nhận đã được cơ quan cấp phép không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân cấp giấy phép hành nghề trong đó nêu rõ số giấy phép hành nghề, ngày cấp, nơi cấp, thông tin cá nhân, chức danh chuyên môn, phạm vi hành nghề;

c) Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

d) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

đ) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

3. Trường hợp 3: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Bản chính giấy phép hành nghề từ trường hợp giấy phép hành nghề bị mất;

c) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

4. Trường hợp 4: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Bản chính giấy phép hành nghề đã được cấp;

c) Tài liệu chứng minh thông tin thay đổi hoặc thông tin bị sai sót;

d) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

5. Trường hợp 5: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề trong trường hợp đã bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 3, điểm a khoản 7 Điều 34 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Giấy phép hành nghề đã được cấp;

c) Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề;

d) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

6. Trường hợp 6: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề trong trường hợp đã bị thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 3, điểm a khoản 4, điểm b khoản 7 Điều 34 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Giấy phép hành nghề đã được cấp;

c) Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề;

d) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn;

đ) Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

- *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy phép hành nghề.

- *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

2. Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

Cấp lại giấy phép hành nghề áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các trường hợp sau:

- Người hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân cấp giấy phép hành nghề, có nhu cầu cấp lại giấy phép hành nghề sau khi được tuyển dụng vào lực lượng vũ trang nhân dân mà thời gian kể từ khi chấm dứt hành nghề tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đến khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành

nghề dưới 24 tháng;

- Người hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân cấp giấy phép hành nghề, có nhu cầu cấp lại giấy phép hành nghề sau khi được tuyển dụng vào lực lượng vũ trang nhân dân mà thời gian kể từ khi chấm dứt hành nghề tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đến khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề từ 24 tháng đến dưới 60 tháng;

- Người hành nghề bị thu hồi giấy phép hành nghề thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, điểm a, điểm b khoản 3, điểm a khoản 4 và điểm a, điểm b khoản 7 Điều 34 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 02. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....[1] ..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi:

Họ và tên:

Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email: (nếu có):.....

Chức danh chuyên môn:[2]

Số giấy phép hành nghề đã được cấp:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp:.....

Lý do xin cấp lại:[3].....

Tôi xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau: [4]

(1)

(2)

(3)

XÁC NHẬN CỦA CHỦ HUY ĐƠN VỊ [5]

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Địa danh.

[2] Ghi theo chức danh quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[3] Ghi rõ trường hợp cấp lại giấy phép hành nghề cụ thể theo quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[4] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[5] Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Mẫu số 03. Giấy xác nhận thời gian thực hành

<p>.....[1]..... [2]</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p>
<p>Số: .../GXNTH-(cơ quan ban hành)</p>	<p>... [3]..., ngày ... tháng ... năm</p>
<p>GIẤY XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC HÀNH</p>	
<p>..... [2]..... xác nhận:</p> <p>Họ và tên:.....</p> <p>Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....</p> <p>Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....</p> <p>Văn bằng chuyên môn:[5]</p> <p>Năm tốt nghiệp:.....</p> <p>đã thực hành tại.....[6]..... và đạt kết quả như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời gian thực hành:[7] 2. Năng lực chuyên môn:[8] 3. Đạo đức nghề nghiệp:[9] <p style="text-align: right; margin-top: 20px;"> [4].... (Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu) </p>	

- [1] Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [2] Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [3] Địa danh.
 [4] Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [5] Ghi theo đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.
 [6] Cơ sở khám chữa bệnh tiếp nhận người thực hành.
 [7] Ghi cụ thể thời gian thực hành từ ngày... tháng... nămđến ngày...tháng ... năm....
 [8] Nhận xét cụ thể về khả năng thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo chuyên khoa đăng ký thực hành.
 [9] Nhận xét cụ thể về giao tiếp, ứng xử của người đăng ký thực hành đối với đồng nghiệp và người bệnh.

3. Thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Phòng/Ban quản y cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp bị ốm đau, tai nạn hoặc trường hợp bất khả kháng tại thời điểm nộp hồ sơ gia hạn thì phải có văn bản thông báo cho Cơ quan được giao quản lý về y tế để lùi thời gian nộp hồ sơ gia hạn giấy phép hành nghề.

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh được đề nghị lùi thời điểm gia hạn nhiều lần nhưng tổng thời gian lùi thực hiện gia hạn không quá 22 tháng, kể từ ngày giấy phép hành nghề hết hạn;

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của người hành nghề và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết.

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền cấp lại giấy phép hành nghề. Trường hợp không gia hạn giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trong thời hạn kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề, cơ quan cấp giấy phép hành nghề có trách nhiệm thực hiện việc gia hạn hoặc phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do nếu không thực hiện việc gia hạn; trường hợp đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề mà không có văn bản trả lời thì giấy phép hành nghề tiếp tục có hiệu lực theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Giấy phép hành nghề đã được cấp;

c) Tài liệu chứng minh đã cập nhật đủ kiến thức y khoa liên tục trong khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 22 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** Kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép hành nghề.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

1. Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh phải thực hiện thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hành nghề hết hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

2. Gia hạn giấy phép hành nghề áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh khi đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 04. Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...[1]..., ngày... tháng... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi:

Họ và tên:

Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại: Email (nếu có):.....

Giấy phép hành nghề số:Nơi cấp:.....

Tôi xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau [2]:

(1)

(2)

(3)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Địa danh.

[2] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

4. Thủ tục điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Phòng/Ban quản lý cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của người hành nghề và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết.

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh giấy phép hành nghề. Trường hợp không điều chỉnh giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cấp có thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh giấy phép hành nghề.

Hình thức điều chỉnh giấy phép hành nghề là Quyết định điều chỉnh giấy phép hành nghề bằng bản giấy hoặc bản điện tử theo Mẫu số 01a Phụ lục V kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP; quyết định điều chỉnh giấy phép hành nghề là một thành phần không tách rời giấy phép hành nghề đã cấp.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Trường hợp 1: Hồ sơ đề nghị bổ sung phạm vi hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP, bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Bản sao hợp lệ văn bằng đào tạo chuyên khoa, chứng chỉ đào tạo chuyên khoa phù hợp với phạm vi hành nghề đề nghị bổ sung;

c) Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP đối với trường hợp sử dụng chứng chỉ đào tạo chuyên khoa hoặc văn bằng đào tạo chuyên khoa quá 24 tháng tính từ ngày được cấp đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề.

2. Trường hợp 2: Hồ sơ đề nghị thay đổi phạm vi hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP, bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Bản sao hợp lệ văn bằng đào tạo chuyên khoa, chứng chỉ đào tạo chuyên khoa phù hợp với phạm vi hành nghề đề nghị thay đổi và khác với chuyên khoa trong giấy phép hành nghề đã được cấp;

c) Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp;

d) Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP đối với trường hợp sử dụng chứng chỉ đào tạo chuyên khoa hoặc văn bằng đào tạo chuyên khoa quá 24 tháng tính từ ngày được cấp đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 25 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

- *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy phép hành nghề.

- *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

1. Đơn đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

2. Quyết định về việc điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng theo Mẫu số 01a Phụ lục V kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

3. Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Có.

1. Điều chỉnh giấy phép hành nghề đối với các trường hợp sau đây:

a) Đã được cấp giấy phép hành nghề, trong phạm vi hành nghề chưa có chuyên khoa và đề nghị bổ sung thêm chuyên khoa vào phạm vi hành nghề;

b) Đã được cấp giấy phép hành nghề, trong phạm vi hành nghề đã có chuyên khoa nhưng đề nghị bổ sung thêm chuyên khoa khác so với chuyên khoa đã được cấp trong phạm vi hành nghề;

c) Đã được cấp giấy phép hành nghề, trong phạm vi hành nghề đã có chuyên khoa nhưng đề nghị thay đổi chuyên khoa đã được phép hành nghề bằng chuyên khoa khác và không hành nghề theo chuyên khoa đã được cấp trong phạm vi hành nghề trước đó.

2. Điều kiện cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề

a) Đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hành nghề nhưng trong phạm vi hành nghề chưa có chuyên khoa và đề nghị bổ sung thêm chuyên khoa vào phạm vi hành nghề: Có văn bằng đào tạo chuyên khoa theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP tương ứng với chức danh trên giấy phép hành nghề và chuyên khoa đề nghị bổ sung;

b) Đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hành nghề, trong phạm vi hành nghề đã có chuyên khoa nhưng đề nghị bổ sung chuyên khoa khác so với chuyên khoa đã được cấp: Có văn bằng đào tạo chuyên khoa theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP tương ứng với chức danh trên giấy phép hành nghề và chuyên khoa đề nghị bổ sung.

c) Đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hành nghề, trong phạm vi hành nghề đã có chuyên khoa nhưng đề nghị thay đổi chuyên khoa: Có văn bằng đào tạo chuyên khoa tương ứng với chức danh và chuyên khoa đề nghị thay đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 03. Đơn đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...[1] ..., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

Kính gửi:

Họ và tên:

Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email: (nếu có):.....

Số giấy phép hành nghề:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Phạm vi hành nghề đã được cấp:.....

Chuyên khoa/Chuyên ngành đã được cấp:.....

Nội dung điều chỉnh:.....[2].....

Tôi xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau [3]:

(1)

(2)

(3)

XÁC NHẬN CỦA CHỈ HUY ĐƠN VỊ [4]
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Địa danh.

[2] Ghi rõ trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề cụ thể theo quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[3] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[4] Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Mẫu số 01a. Quyết định về việc điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-BQP

.....[1]....., ngày.... tháng... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Theo đề nghị của [2]

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giấy phép hành nghề đối với đồng chí

Họ và tên: [3].....

Chứng minh thư quân đội/ CCCD số:.....[4].....

Ngày cấp Nơi cấp:

Văn bằng chuyên môn: [5]

Số giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã cấp:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Phạm vi điều chỉnh:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Cá nhân có tên tại Điều 1 và ...[6]... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Địa danh.

[2] Ghi rõ chức danh người đứng đầu của đơn vị được giao chức năng đầu mối cấp, cấp lại như: Cục trưởng Cục..., Trưởng phòng....

[3] Ghi rõ tên của người được bổ sung phạm vi hành nghề bằng chữ in hoa đậm.

[4] Ghi một trong hai thông tin số chứng minh quân đội hoặc số chứng minh nhân dân (đối với LĐHĐ).

[5] Ghi theo đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP (Không ghi các chức danh học hàm, học vị, chức danh được phong tặng như: giáo sư, tiến sĩ, thầy thuốc ưu tú, anh hùng lao động...).

[6] Ghi cụ thể các cá nhân, đơn vị có liên quan (nếu cần).

Mẫu số 03. Giấy xác nhận thời gian thực hành

<p>.....[1]..... [2].....</p> <p>Số: .../GXNTH-(cơ quan ban hành)</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <hr/> <p>... [3]..., ngày ... tháng ... năm</p>
<p>GIẤY XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC HÀNH</p>	
<p>..... [2]..... xác nhận:</p> <p>Họ và tên:.....</p> <p>Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....</p> <p>Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....</p> <p>Văn bằng chuyên môn:[5]</p> <p>Năm tốt nghiệp:.....</p> <p>đã thực hành tại.....[6]..... và đạt kết quả như sau:</p> <p>1. Thời gian thực hành:[7]</p> <p>2. Năng lực chuyên môn:[8]</p> <p>3. Đạo đức nghề nghiệp:[9]</p>	
<p>....[4].... <i>(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)</i></p>	

- [1] Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [2] Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [3] Địa danh.
 [4] Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [5] Ghi theo đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.
 [6] Cơ sở khám chữa bệnh tiếp nhận người thực hành.
 [7] Ghi cụ thể thời gian thực hành từ ngày... tháng... nămđến ngày...tháng ... năm....
 [8] Nhận xét cụ thể về khả năng thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo chuyên khoa đăng ký thực hành.
 [9] Nhận xét cụ thể về giao tiếp, ứng xử của người đăng ký thực hành đối với đồng nghiệp và người bệnh.

5. Thủ tục công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện là cơ sở hướng dẫn thực hành

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trước khi tổ chức hướng dẫn thực hành, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gửi văn bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành thực hiện theo Mẫu 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP và chương trình thực hành về Cơ quan được giao quản lý về y tế của Bộ Quốc phòng.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản, Cơ quan được giao quản lý về y tế đăng tải danh sách cơ sở thực hành trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan mình. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành, Cơ quan được giao quản lý về y tế thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành thực hiện theo Mẫu 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

2. Chương trình thực hành cụ thể.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin của cơ sở hướng dẫn thực hành được đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành thực hiện theo Mẫu 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Có.

Được cấp giấy phép hoạt động thuộc một trong các hình thức tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điều 4 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP; có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung thực hành do Bộ Y tế quy

định; được phép ký hợp đồng hợp tác với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác trong trường hợp không đủ các chuyên khoa theo nội dung thực hành;

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 13. Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

.....[1].....

.....[2].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...[3].....

.....[4]....., ngày... tháng... năm

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi:

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh:.....

Cơ quan cấp ngày cấp

Địa chỉ:...[5].....

Họ và tên người chịu trách nhiệm chuyên môn:

Điện thoại liên hệ: Email (nếu có):.....

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:[6].....

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành:[7].....

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có):

.....[8].....

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận đề hướng dẫn thực hành:.....

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:[9].....

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố (nếu có)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[2] Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[3] Chữ viết tắt tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[4] Địa danh.

[5] Địa chỉ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[6] Đối tượng hướng dẫn thực hành: liệt kê các chức danh chuyên môn mà cơ sở hướng dẫn thực hành phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

[7] Liệt kê danh sách người hướng dẫn thực hành.

[8] Liệt kê nội dung người thực hành không thực hành tại cơ sở mà phải thực hành ở cơ sở khác (kèm theo hợp đồng hợp tác thực hành).

[9] Ghi cụ thể chi phí hướng dẫn thực hành.

6. Thủ tục cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp mới quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế;

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết;

Bước 3. Cơ quan được giao quản lý về y tế tiến hành xét duyệt hồ sơ, báo cáo Bộ Quốc phòng thẩm định tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;

Bước 4. Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải cấp mới giấy phép hoạt động trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định.

Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải nêu rõ trong nội dung của biên bản thẩm định. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị, Bộ Quốc phòng có thể tiến hành kiểm tra thực tế việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị trong trường hợp cần thiết hoặc thực hiện việc cấp giấy phép hoạt động. Trường hợp không cấp giấy phép hoạt động phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm: Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều 52 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh phải đạt các điều kiện quy định tại các Điều 18, 19, 20,

21 22, 23 và 24 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP tùy theo hình thức tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cụ thể như sau:

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc người đứng đầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc quyết định ban hành biểu tổ chức, biên chế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cấp có thẩm quyền;

c) Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề và giấy xác nhận quá trình hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

d) Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp giấy phép hành nghề) theo Mẫu số 01a Phụ lục III kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

đ) Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

e) Danh sách những người đăng ký làm việc ngoài giờ không thuộc Bộ Quốc phòng quản lý tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

g) Bản sao hợp lệ các văn bản, tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức biên chế phù hợp với cấp chuyên môn kỹ thuật của một trong các loại hình tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại các Điều 19, 20, 21 22, 23 và 24 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP .

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 65 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức.

- *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

1. Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

2. Mẫu số 01a Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

3. Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Có.

Cấp mới giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều 52 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 06. Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....[1]....., ngày.... tháng... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp mới giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

Kính gửi:

Tên cơ sở đề nghị cấp giấy phép hoạt động:[2].....

Địa chỉ:[3]

Điện thoại: Số Fax: Email (nếu có):

Thời gian làm việc hằng ngày:

Họ và tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật/người phụ trách bộ phận chuyên môn:.....

Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Số giấy phép hành nghề:..... Ngày cấp: Nơi cấp:

(Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) gửi kèm theo đơn này 01 bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây [3]:

(1)

(2)

(3)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Địa danh.

[2] Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[3] Địa chỉ cụ thể của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[4] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

Mẫu số 01a. Danh sách đăng ký hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...[1]...; ngày ... tháng ... năm

**DANH SÁCH
Đăng ký hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Thời gian hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: [2].....

STT	Họ và tên người hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số giấy phép hành nghề đã được cấp	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
1					
2					
...					

**XÁC NHẬN CỦA CQY CẤP ĐẦU MỐI
TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG**
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ [3]
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Địa danh.

[2] Ghi rõ từ mấy giờ đến mấy giờ trong ngày và mấy ngày trong tuần.

[3] Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Mẫu số 02. Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....[1]..., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI
Cơ sở vật chất, thiết bị y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:.....

Địa chỉ:.....

I. Phần kê khai về cơ sở vật chất của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Diện tích mặt bằng:

2. Kết cấu xây dựng nhà:

3. Diện tích xây dựng sử dụng; diện tích trung bình cho 01 giường bệnh đối với bệnh viện:

4. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:

5. Bố trí các khoa/chuyên khoa, phòng:

6. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

a) Xử lý nước thải:

b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt:

c) An toàn bức xạ:

7. Hệ thống phụ trợ:

a) Phòng cháy chữa cháy:

b) Khí y tế:

c) Máy phát điện:

d) Thông tin liên lạc:

8. Cơ sở vật chất khác (nếu có):

II. Phân kê khai về thiết bị y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng	Giá thành	Ghi chú
1									
2									
3									
.....									

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ [2]
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)

[1] Địa danh.

[2] Người đứng đầu cơ sở khám, chữa bệnh.

7. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế;

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết;

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền cấp lại giấy phép hoạt động. Trường hợp không cấp lại giấy phép hoạt động thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Bước 4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cấp có thẩm quyền ban hành quyết định cấp lại giấy phép hoạt động; Cơ quan được giao quản lý về y tế cập nhật thông tin về việc cấp lại giấy phép hoạt động trên cổng thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng hoặc trang tin điện tử của mình và trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cụ thể như sau:

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc người đứng đầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ

Quốc phòng theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Bản chính giấy phép hoạt động trong trường hợp bị hư hỏng hoặc có sai sót thông tin;

c) Tài liệu chứng minh đối với trường hợp sai sót thông tin.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức.

- *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Có.

Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 10. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...[1]..., ngày.... tháng... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại giấy phép hoạt động

Kính gửi:

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

Địa điểm:[2]

Điện thoại:..... Email (nếu có):

Giấy phép hoạt động số:Ngày cấp: Nơi cấp

Đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động vì lý do: [3].....

(Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) gửi kèm theo đơn này 01 bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây [4]:

(1)

(2)

(3)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Địa danh.

[2] Địa chỉ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[3] Ghi rõ trường hợp cấp lại giấy phép hoạt động cụ thể theo quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[4] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

8. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

- Trình tự thực hiện:

1. Trường hợp 1: Trình tự cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên hoặc thay đổi địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm hoặc thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Bước 1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh quy định tại khoản 3 hoặc khoản 6 Điều 25 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế;

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết;

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh giấy phép hoạt động. Trường hợp không điều chỉnh giấy phép hoạt động thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Bước 4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cấp có thẩm quyền ban hành văn bản cho phép điều chỉnh thời gian làm việc hoặc tên hoặc địa chỉ hoặc người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong giấy phép hoạt động; Cơ quan được giao quản lý về y tế cập nhật thông tin về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động trên cổng thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng hoặc trang tin điện tử của mình và trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

2. Trường hợp 2: Trình tự cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc thay đổi quy mô hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

Bước 1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh quy định tại khoản 4 hoặc khoản 5 Điều 25 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là

đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế.

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết.

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh giấy phép hoạt động. Trường hợp không điều chỉnh giấy phép hoạt động thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì thực hiện theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này.

Bước 4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cấp có thẩm quyền ban hành văn bản cho phép điều chỉnh phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc quy mô hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong giấy phép hoạt động; Cơ quan được giao quản lý về y tế cập nhật thông tin về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động trên cổng thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng hoặc trang tin điện tử của mình và trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Trường hợp 1:

1.1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên hoặc địa chỉ hoặc thời gian làm việc nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc người đứng đầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

b) Bản chính giấy phép hoạt động và bản sao hợp lệ quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi tên hoặc địa chỉ hoặc thời gian làm việc nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

1.2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động đối với cơ sở thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc người đứng đầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng theo Mẫu số 09 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật mới của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

c) Bản chính giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp.

2. Trường hợp 2:

2.1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô hoạt động, gồm:

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc người đứng đầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng về điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động theo Mẫu số 08 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Bản sao hợp lệ quyết định của cấp có thẩm quyền về tổ chức biên chế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

c) Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

2.2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn, gồm:

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc người đứng đầu đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng về điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động theo Mẫu số 08 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Bản sao hợp lệ quyết định phê duyệt danh mục kỹ thuật của Cơ quan được giao quản lý về y tế;

c) Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế và hồ sơ nhân lực tương ứng với phạm vi hoạt động chuyên môn dự kiến điều chỉnh theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức.

- *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; Văn bản cho phép thay thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc thay đổi quy mô hoạt động.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

1. Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.
2. Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.
3. Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.
4. Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Có.

Các trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động:

a) Thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên hoặc thay đổi địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm hoặc thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

b) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc thay đổi quy mô hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 07. Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động khi thay đổi tên hoặc địa chỉ hoặc thời gian làm việc đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....[1]....., ngày.... tháng... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Điều chỉnh giấy phép hoạt động khi thay đổi tên hoặc địa chỉ hoặc thời gian làm việc đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi: Hội đồng....

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:.....

Địa chỉ:....[2].....

Thời gian làm việc:

Điện thoại: Email (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động vì:[3].....

(Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) gửi kèm theo đơn này 01 bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây [4]:

(1)

(2)

(3)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Địa danh.

[2] Địa chỉ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[3] Ghi rõ trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động cụ thể theo quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[4] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

Mẫu số 08. Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động khi thay đổi quy mô hoạt động hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....[1]....., ngày.... tháng... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động khi thay đổi quy mô hoạt động hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi:

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

Địa điểm:[2].....

Điện thoại: Email (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động vì:[3].....

(Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) gửi kèm theo đơn này 01 bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây [4]:

(1)

(2)

(3)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Địa danh.

[2] Địa chỉ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[3] Ghi rõ trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động cụ thể theo quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[4] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

Mẫu số 09. Đơn đề nghị thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...[1]..., ngày.... tháng... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi:

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

Địa điểm:[2].....

Điện thoại: Email (nếu có):

Họ và tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật thay đổi:.....

Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Số giấy phép hành nghề:..... Ngày cấp: Nơi cấp:

Đề nghị điều chỉnh Giấy phép hoạt động vì thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

(Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) gửi kèm theo đơn này 01 bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây [3]:

(1)

(2)

(3)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Địa danh.

[2] Địa chỉ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[3] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

Mẫu số 02. Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....[1]..., ngày ... tháng ... năm

**BẢN KÊ KHAI
Cơ sở vật chất, thiết bị y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:.....

Địa chỉ:.....

I. Phần kê khai về cơ sở vật chất của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Diện tích mặt bằng:
2. Kết cấu xây dựng nhà:
3. Diện tích xây dựng sử dụng; diện tích trung bình cho 01 giường bệnh đối với bệnh viện:
4. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:
5. Bố trí các khoa/chuyên khoa, phòng:
6. Các điều kiện vệ sinh môi trường:
 - a) Xử lý nước thải:
 - b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt:
 - c) An toàn bức xạ:
7. Hệ thống phụ trợ:
 - a) Phòng cháy chữa cháy:
 - b) Khí y tế:
 - c) Máy phát điện:
 - d) Thông tin liên lạc:
8. Cơ sở vật chất khác (nếu có):

II. Phần kê khai về thiết bị y tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số Lượng	Tình trạng sử dụng	Giá thành	Ghi chú
1									
2									
3									
.....									

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ [2]

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)

[1] Địa danh.

[2] Người đứng đầu cơ sở khám, chữa bệnh.

9. Thủ tục đình chỉ hành nghề người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận về việc vi phạm đạo đức nghề nghiệp hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận về việc người hành nghề không đủ sức khỏe để hành nghề gửi văn bản về Cơ quan được giao quản lý về y tế.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, Cơ quan được giao quản lý về y tế báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đình chỉ hành nghề.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đình chỉ hành nghề theo Mẫu số 04a Phụ lục V kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP. Nội dung quyết định đình chỉ hành nghề phải căn cứ vào văn bản kết luận;

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định đình chỉ hành nghề của cấp có thẩm quyền, Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm:

a) Thông báo tới các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Quốc phòng quyết định đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

b) Gửi quyết định đình chỉ cho người hành nghề hoặc thực hiện việc giới hạn phạm vi hành nghề của người bị đình chỉ trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

c) Gửi quyết định đình chỉ cho cơ quan đã cấp giấy phép hành nghề cho người hành nghề đó đối với trường hợp cơ quan ra quyết định đình chỉ không phải là cơ quan đã cấp giấy phép hành nghề cho người hành nghề.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp

2. Bưu chính (quân bưu).

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Trường hợp 1: Đối với trường hợp người hành nghề bị đình chỉ theo kết luận của Hội đồng chuyên môn quy định tại Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

a) Công văn đề nghị.

b) Văn bản kết luận của Hội đồng chuyên môn.

2. Trường hợp 2: Đối với trường hợp người hành nghề bị đình chỉ theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc vi phạm đạo đức nghề nghiệp nhưng chưa đến mức phải thu hồi giấy phép hành nghề:

a) Công văn đề nghị.

b) Văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

3. Trường hợp 3: Đối với trường hợp người hành nghề bị đình chỉ do không đủ sức khỏe để hành nghề:

a) Công văn đề nghị;

b) Văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc người hành nghề không đủ sức khỏe để hành nghề.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức.

- *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định đình chỉ hành nghề.

- *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 04a Phụ lục V kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 04a. Quyết định đình chỉ hành nghề trong Bộ Quốc phòng

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BQP

...[3]....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH
Đình chỉ hành nghề

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quân y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ hành nghề đối với đồng chí.....[1].....

Giấy phép hành nghề số:.....[2]..... Cơ quan cấp:.....

Phạm vi hành nghề bị đình chỉ:.....

Điều 2. Đồng chí có tên tại Điều 1 không được hành nghề khám bệnh, chữa bệnh từ ngàytháng....nămđến ngàytháng....năm dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 3. Đồng chí có tên tại Điều 1 phải tham gia các khóa đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn về.....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Cục trưởng Cục Quân y và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cơ quan đã cấp GPHN (nếu có);
- Lưu:....

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Họ tên đầy đủ của người hành nghề.

[2] Số giấy phép hành nghề của người hành nghề.

[3] Địa danh nơi ban hành Quyết định.

10. Thủ tục cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn

- Trình tự thực hiện:

1. Trường hợp quyết định đình chỉ không bắt buộc người hành nghề bị đình chỉ hoạt động phải cập nhật kiến thức y khoa liên tục thì người hành nghề được tiếp tục hành nghề khi hết thời hạn đình chỉ.

2. Trường hợp quyết định đình chỉ bắt buộc người hành nghề bị đình chỉ hoạt động phải cập nhật kiến thức y khoa liên tục, trong thời hạn 12 tháng kể từ khi có quyết định đình chỉ có hiệu lực, người hành nghề có trách nhiệm thực hiện và gửi kết quả cập nhật kiến thức y khoa liên tục theo quy định của Bộ Y tế về Cơ quan được giao quản lý về y tế.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả cập nhật kiến thức y khoa liên tục, Cơ quan được giao quản lý về y tế báo cáo cơ quan đã cấp giấy phép hành nghề cho người hành nghề quyết định việc cho phép tiếp tục hành nghề.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị.
2. Kết quả cập nhật kiến thức y khoa liên tục (trường hợp quyết định đình chỉ bắt buộc người hành nghề bị đình chỉ hoạt động phải cập nhật kiến thức y khoa liên tục).
3. Báo cáo về việc khắc phục sai sót chuyên môn kỹ thuật của người hành nghề (trường hợp người hành nghề bị đình chỉ theo kết luận của Hội đồng chuyên môn).
4. Báo cáo về việc khắc phục vi phạm đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề (trường hợp người hành nghề vi phạm đạo đức nghề nghiệp bị đình chỉ theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép tiếp tục hành nghề.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

11. Thủ tục đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận của Hội đồng chuyên môn quy định tại Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc kết luận kiểm tra, thanh tra xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vi phạm phải đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 51 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ban hành quyết định đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn của cơ sở đó theo Mẫu số 05a Phụ lục V kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm:

a) Thông báo tới các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Quốc phòng quyết định đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Đăng tải thông tin về việc đình chỉ hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đồng thời thực hiện việc giới hạn phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị đình chỉ trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm: Văn bản kết luận của Hội đồng chuyên môn quy định tại Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc văn bản kết luận kiểm tra, thanh tra xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vi phạm phải đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động chuyên môn.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đình chỉ hoạt động chuyên môn.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 5a Phụ lục V kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Có.

1. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị đình chỉ hoạt động:

a) Xảy ra sự cố y khoa đến mức phải đình chỉ hoạt động chuyên môn;

b) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 49 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

c) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

2. Nguyên nhân, tính chất, mức độ, hậu quả của sự cố y khoa hoặc phân điều kiện hoạt động không đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này là căn cứ để quyết định đình chỉ một phần hoặc toàn bộ giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh vi phạm hành chính thì thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 05a. Quyết định đình chỉ hoạt động chuyên môn trong Bộ Quốc phòng

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BQP

...[5]....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Đình chỉ hoạt động chuyên môn

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quân y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ hoạt động chuyên môn đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh...

[1].....

Giấy phép hoạt động số:.....[2]..... Cơ quan cấp:.....

Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật:

Họ và tên:.....[3].....

Số giấy phép hành nghề:.....[4]..... Cơ quan cấp:.....

Phạm vi hoạt động chuyên môn bị đình chỉ:.....

Điều 2. Lý do đình chỉ hoạt động chuyên môn kỹ thuật.....

Điều 3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tên tại Điều 1 không được hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ ngàytháng....nămđến ngàytháng....năm dưới bất kỳ hình thức nào và chỉ được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh khi cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Cục trưởng Cục Quân y, các tổ chức và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cơ quan đã cấp CCHN (nếu có);
- Lưu:...

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[2] Số Giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[3] Họ tên đầy đủ của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[4] Số giấy phép hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[5] Địa danh nơi ban hành Quyết định.

12. Thủ tục cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động sau khi bị đình chỉ

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của cơ sở và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị từ cấp trung đoàn trở lên.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị;

Bước 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế tiến hành xét duyệt hồ sơ báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục hoạt động chuyên môn; nếu không cho phép tiếp tục hoạt động chuyên môn thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục hoạt động chuyên môn; nếu không cho phép tiếp tục hoạt động chuyên môn thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm: Hồ sơ đề nghị cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục hoạt động chuyên môn bao gồm:

a) Đơn đề nghị được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Báo cáo về việc khắc phục sai sót chuyên môn hoặc các biện pháp đã thực hiện để bảo đảm các điều kiện quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP (tùy theo hình thức tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) có xác nhận của đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng; các tài liệu liên quan.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 35 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.
- ***Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.
- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục hoạt động chuyên môn.
- ***Phí, lệ phí (nếu có):*** Không.
- ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Mẫu số 5a Phụ lục V kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.
- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Không.
- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
 1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
 2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 05. Đơn đề nghị tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....[1]....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: [2].....

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh:.....

Địa chỉ: ... [3].....

Họ và tên người chịu trách nhiệm chuyên môn:

- Giấy phép hành nghề số: [4]..... Nơi cấp:.....

- Điện thoại: Email (nếu có):.....

Bị đình chỉ hoạt động chuyên môn kỹ thuật theo Quyết định số:

Lý do bị đình chỉ:.....

(Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) gửi kèm theo đơn này 01 bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây [5]:

(1)

(2)

(3)

Kính đề nghị xem xét và cho phép [2]..... được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Địa danh.

[2] Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[3] Địa chỉ cụ thể của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[4] Số giấy phép hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật.

[5] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

13. Thủ tục thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

- Trình tự thực hiện:

1. Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Bước 1. Cơ quan, đơn vị, cá nhân khi phát hiện người hành nghề thuộc trường hợp phải thu hồi giấy phép hành nghề phải thông báo cho Cơ quan được giao quản lý về y tế;

Bước 2. Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm xác minh hồ sơ, tài liệu và thông tin do cơ quan, đơn vị, cá nhân cung cấp, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định;

Bước 3. Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02a Phụ lục V kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh

Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề của người hành nghề trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo, tổng đạt của cơ quan có thẩm quyền về việc người hành nghề thuộc trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 20 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh do Hội đồng chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự thành lập theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 101 Luật Khám bệnh, chữa bệnh

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, Chủ tịch Hội đồng chuyên môn có trách nhiệm ký văn bản gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Hội đồng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm báo cáo Phòng/Ban quân y cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề;

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo bằng văn bản về Cơ quan được giao quản lý về y tế;

Bước 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, Cơ quan được giao quản lý về y tế báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề;

Bước 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Cơ quan được giao quản lý về y tế, Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề. Nội dung quyết định thu hồi phải căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn.

4. Đối với trường hợp quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh do Hội đồng chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về y tế quản lý trực tiếp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thành lập theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 101 Luật Khám bệnh, chữa bệnh

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, Chủ tịch Hội đồng chuyên môn có trách nhiệm ký văn bản gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề.

Trường hợp Hội đồng chuyên môn do Bộ Y tế thành lập, Chủ tịch Hội đồng chuyên môn ký văn bản báo cáo Bộ Y tế ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề và thông báo đến Cơ quan được giao quản lý về y tế;

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn quy định tại điểm a khoản này, Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề;

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Cơ quan được giao quản lý về y tế, Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề. Nội dung quyết định thu hồi phải căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn.

5. Đối với trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kết luận người hành nghề lần thứ hai trong thời hạn của giấy phép hành nghề có vi phạm đạo đức nghề nghiệp đến mức phải đình chỉ hành nghề của cơ quan có thẩm quyền, Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề;

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Cơ quan được giao quản lý về y tế, Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề. Nội dung quyết định thu hồi phải căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn.

6. Đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm tiếp nhận đơn đề nghị và giấy phép hành nghề do cá nhân cung cấp; báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề và văn bản xác nhận đã được cơ quan cấp phép thuộc lực lượng vũ trang nhân dân cấp giấy phép hành nghề trong đó nêu rõ số giấy phép hành nghề, ngày cấp, nơi cấp, thông tin cá nhân, chức danh chuyên môn, phạm vi hành nghề.

7. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi, Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm:

Bước 1. Gửi quyết định cho người hành nghề và cơ sở khám bệnh, chữa

bệnh quản lý người hành nghề;

Bước 2. Thực hiện việc hủy bỏ đăng ký hành nghề của người hành nghề đó trên hệ thống thông tin quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

Bước 3. Thông báo tới các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Quốc phòng quyết định thu hồi giấy phép hành nghề của người hành nghề.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Trường hợp 1: Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm: Văn bản thông báo của đơn vị, cá nhân khi phát hiện người hành nghề thuộc trường hợp phải thu hồi giấy phép hành nghề;

2. Trường hợp 2: Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm: Văn bản thông báo, tổng đạt của cơ quan có thẩm quyền về việc người hành nghề thuộc trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 20 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Trường hợp 3: Đối với trường hợp quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh do Hội đồng chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự thành lập theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 101 Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm:

a) Văn bản kết luận của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Văn bản của đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo về Cơ quan được giao quản lý về y tế, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề.

4. Trường hợp 4: Đối với trường hợp quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh do Hội đồng chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về y tế quản lý trực tiếp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thành lập theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 101 Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm: Văn bản kết luận của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề.

5. Trường hợp 5: Đối với trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm: Văn bản kết luận người hành nghề lần thứ hai trong thời hạn của giấy phép hành nghề có vi phạm đạo đức nghề nghiệp đến mức phải đình chỉ hành nghề của cơ quan có thẩm quyền.

6. Trường hợp 6: Đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm:

- a) Đơn đề nghị;
- b) Giấy phép hành nghề.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- ***Thời hạn giải quyết:*** 10-25 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, Cá nhân.
- ***Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.
- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề.
- ***Phí, lệ phí (nếu có):*** Không.

- ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02a Phụ lục V kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Có.

Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 02a. Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BQP

...[4]....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số[1]... của đồng chí[2].....

Điều 2. Lý do thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:.....

Điều 3. Đồng chí có tên tại Điều 1 không được hành nghề khám bệnh, chữa bệnh kể từ ngàytháng....năm dưới bất kỳ hình thức nào và chỉ được tiếp tục hành nghề khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5.[3]..... và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cơ quan đã cấp CCHN (nếu có);
- Lưu:...

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Số giấy phép hành nghề của người hành nghề.

[2] Họ tên đầy đủ của người hành nghề.

[3] Cơ quan, cá nhân có liên quan.

[4] Địa danh nơi ban hành Quyết định.

14. Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận của Hội đồng chuyên môn quy định tại Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc kết luận kiểm tra, thanh tra trong đó xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vi phạm đến mức phải bị thu hồi giấy phép hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi giấy phép hoạt động theo Mẫu số 03a Phụ lục V kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép hoạt động, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải nộp bản chính giấy phép hoạt động về Cơ quan được giao quản lý về y tế.

Bước 3. Cơ quan ban hành quyết định thu hồi giấy phép hoạt động thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Y tế nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép hoạt động có hiệu lực thi hành; đăng tải thông tin về việc thu hồi giấy phép hoạt động trên cổng thông tin điện tử Bộ Quốc phòng.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm: Văn bản kết luận của Hội đồng chuyên môn quy định tại Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc kết luận kiểm tra, thanh tra trong đó xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vi phạm đến mức phải bị thu hồi giấy phép hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu số 03a Phụ lục V kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Có.

Kết luận của Hội đồng chuyên môn quy định tại Điều 101 của Luật Khám

bệnh, chữa bệnh hoặc kết luận kiểm tra, thanh tra trong đó xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vi phạm đến mức phải bị thu hồi giấy phép hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 03a. Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BQP

...[5]....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quân y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số.....[1].....của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh...[2].....

Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật:

Họ tên:.....[3].....

Số giấy phép hành nghề:.....[4].....Cơ quan cấp:.....

Điều 2. Lý do thu hồi Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh:.....

Điều 3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tên tại Điều 1 không được thực hiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ ngàytháng....năm dưới bất kỳ hình thức nào và chỉ được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh khi cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Cục trưởng Cục Quân y, các tổ chức và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cơ quan đã cấp CCHN (nếu có);
- Lưu:...

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Số Giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[2] Tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[3] Họ tên đầy đủ của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[4] Số giấy phép hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

[5] Địa danh nơi ban hành Quyết định.

15. Thủ tục cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 45 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Phòng/Ban quân y cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng;

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của người hành nghề và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết;

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền cấp mới giấy phép hành nghề. Trường hợp không cấp mới giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Bước 4. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cấp có thẩm quyền ban hành quyết định cấp mới giấy phép hành nghề và trả giấy phép hành nghề cho người hành nghề.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

2. Một trong các giấy tờ sau: Văn bằng quy định tại Điều 43 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp đã được Bộ Y tế công nhận.

3. Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP, trừ các trường hợp sau:

a) Người hành nghề đã hoàn thành chương trình đào tạo chuyên khoa và nộp hồ sơ đề nghị cấp mới chuyên khoa đó trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa;

b) Trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

4. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên.

5. Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

6. Bản chính giấy phép hành nghề đối với trường hợp người hành nghề thay đổi chức danh chuyên môn đã được ghi trên giấy phép hành nghề quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

7. Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề đối với một trong các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

- *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy phép hành nghề.

- *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

1. Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

2. Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Có.

* *Điều 42.* Yêu cầu đối với văn bằng đào tạo chuyên khoa, chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản, chứng chỉ đào tạo kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh, tâm lý lâm sàng

1. Yêu cầu đối với văn bằng đào tạo chuyên khoa, văn bằng bác sỹ nội trú, văn bằng chuyên khoa cấp I, văn bằng chuyên khoa cấp II trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh do cơ sở đào tạo trong nước cấp:

a) Được cấp bởi cơ sở đào tạo hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b) Thời gian đào tạo tối thiểu 18 tháng.

2. Yêu cầu đối với chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản do cơ sở đào tạo trong nước cấp:

a) Được cấp bởi cơ sở đào tạo đã có ít nhất 01 khóa đào tạo cấp văn bằng chuyên khoa tương ứng đã tốt nghiệp hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là cơ sở đào tạo thực hành đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, đang tổ chức đào tạo thực hành ngành hoặc chuyên ngành trình độ chuyên khoa tương ứng với nội dung đào tạo cấp chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản;

b) Chương trình và tài liệu đào tạo chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản do cơ sở đào tạo xây dựng, thẩm định và ban hành hoặc sử dụng của cơ sở đào tạo khác khi được cơ sở đó đồng ý bằng văn bản; nội dung chương trình, khối lượng học tập, giảng viên phù hợp với chương trình đào tạo cấp văn bằng chuyên khoa của ngành hoặc chuyên ngành tương ứng và có tính liên thông với chương trình đào tạo trình độ chuyên khoa;

c) Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng.

3. Yêu cầu đối với chứng chỉ đào tạo kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh:

a) Được cấp bởi cơ sở đào tạo đã có ít nhất 01 khóa đào tạo chức danh hành nghề tương ứng đã tốt nghiệp hoặc là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp có thẩm quyền cho phép triển khai thực hiện các kỹ thuật chuyên môn tương ứng với thời gian tối thiểu 06 tháng;

b) Chương trình và tài liệu đào tạo chứng chỉ kỹ thuật chuyên môn do cơ sở đào tạo xây dựng, thẩm định và ban hành hoặc sử dụng của cơ sở đào tạo khác khi được cơ sở đó đồng ý bằng văn bản; nội dung chương trình, khối lượng học tập, giảng viên phù hợp với danh mục kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.

4. Trường hợp văn bằng đào tạo chuyên khoa được sử dụng để điều chỉnh phạm vi hành nghề theo quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP phải có thời điểm bắt đầu đào tạo sau ngày được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc quyết định điều chỉnh giấy phép hành nghề.

5. Trường hợp người hành nghề có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản nếu muốn điều chỉnh phạm vi hành nghề theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 47 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản có thời điểm bắt đầu đào tạo sau ngày được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc điều chỉnh giấy phép hành nghề;

b) Phải hoàn thành việc thực hành chuyên khoa tương ứng với chuyên khoa đã được đào tạo ghi trên chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản để làm căn cứ điều chỉnh giấy phép hành nghề. Tổng thời gian học chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản và thời gian thực hành tối thiểu là 18 tháng.

6. Việc đào tạo văn bằng, chứng chỉ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này phải được cơ sở đào tạo công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

** Điều 43.* Điều kiện văn bằng, chứng chỉ và thực hành để cấp giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp

1. Đối với các chức danh bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y (trừ chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm y học), dinh dưỡng lâm sàng (trừ chức danh dinh dưỡng lâm sàng với phạm vi hành nghề cơ bản), cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng:

a) Văn bằng để xem xét cấp giấy phép hành nghề thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Văn bằng bác sĩ nội trú theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ;

c) Văn bằng chuyên khoa cấp I theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

d) Văn bằng chuyên khoa cấp II theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

đ) Văn bằng thạc sĩ trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh;

e) Văn bằng tiến sĩ trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.

2. Đối với chức danh y sĩ:

a) Chức danh y sĩ với phạm vi hành nghề đa khoa: Văn bằng trung cấp y sĩ, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng hoặc trung cấp y sĩ. Các văn bằng này phải được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2027;

b) Chức danh y sĩ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền: Văn bằng trung cấp y sĩ y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng hoặc trung cấp y sĩ y học cổ truyền. Các văn bằng này phải được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3. Đối với chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm y học:

a) Văn bằng trung cấp kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật xét nghiệm y học;

b) Văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học;

c) Văn bằng cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học;

d) Văn bằng cử nhân hóa học, sinh học, dược sĩ trình độ đại học (bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học) và phải kèm theo chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đào tạo chuyên ngành kỹ thuật y học về xét nghiệm với thời gian đào tạo ít nhất là 03 tháng do cơ sở đào tạo về kỹ thuật xét nghiệm y học cấp hoặc văn bằng đào tạo sau đại học về chuyên khoa xét nghiệm.

4. Đối với chức danh dinh dưỡng lâm sàng với phạm vi hành nghề dinh dưỡng lâm sàng:

a) Văn bằng cao đẳng dinh dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng dinh dưỡng;

b) Văn bằng cử nhân dinh dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân dinh dưỡng;

c) Văn bằng bác sỹ quy định tại khoản 1 Điều này và có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản về dinh dưỡng.

** Điều 44.* Điều kiện về thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp mới giấy phép hành nghề

1. Việc thực hành đối với người bắt đầu thực hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP, trong đó việc thực hành đối với các chức danh dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng thực hiện như sau:

a) Thời gian thực hành, địa điểm thực hành, nội dung thực hành thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026: Người hướng dẫn thực hành phải có kinh nghiệm làm việc phù hợp với nội dung hướng dẫn thực hành từ 36 tháng trở lên;

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027: Người hướng dẫn thực hành phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

2. Quy định về giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành đối với các chức danh dinh dưỡng lâm sàng:

a) Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Văn bản xác nhận đã có thời gian làm nhiệm vụ dinh dưỡng lâm sàng từ 09 tháng trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mà phạm vi hoạt động chuyên môn bao gồm hoạt động dinh dưỡng lâm sàng.

3. Quy định về giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành đối với các chức danh cấp cứu viên ngoại viện:

a) Giấy xác nhận hoàn thành quá trình theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Văn bản xác nhận đã có thời gian làm nhiệm vụ cấp cứu từ 09 tháng trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề tại một trong các cơ sở sau đây: Khoa cấp cứu của bệnh viện; cơ sở cấp cứu ngoại viện.

4. Quy định về giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành đối với các chức danh tâm lý lâm sàng:

a) Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Văn bản xác nhận đã có thời gian làm nhiệm vụ tâm lý lâm sàng từ 09 tháng trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề tại một trong các cơ sở sau đây: Bệnh viện chuyên khoa tâm thần; bệnh viện có khoa tâm thần hoặc khoa tâm lý lâm sàng hoặc có phạm vi hoạt động chuyên môn tâm lý lâm sàng.

5. Người bắt đầu thực hành từ trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 được:

a) Áp dụng thời gian thực hành theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Tính thời gian đã thực hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 để tính tổng thời gian thực hành nhưng phải bảo đảm đạt thời gian thực hành theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 01. Đơn đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...[1] ..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi:

Họ và tên:

Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email: (nếu có):.....

Văn bằng chuyên môn:[2].....

Tên xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau: [3]

(1)

(2)

(3)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Địa danh.

[2] Ghi theo đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[3] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

Mẫu số 03. Giấy xác nhận thời gian thực hành

<p>.....[1]..... [2]</p> <p>Số: .../GXNTH-(cơ quan ban hành)</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>... [3]..., ngày ... tháng ... năm</p>
<p>GIẤY XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC HÀNH</p>	
<p>..... [2]..... xác nhận:</p> <p>Họ và tên:.....</p> <p>Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....</p> <p>Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....</p> <p>Văn bằng chuyên môn:[5]</p> <p>Năm tốt nghiệp:.....</p> <p>đã thực hành tại.....[6]..... và đạt kết quả như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời gian thực hành:[7] 2. Năng lực chuyên môn:[8] 3. Đạo đức nghề nghiệp:[9] <p style="text-align: right; margin-right: 100px;"> [4].... <i>(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)</i> </p>	

- [1] Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [2] Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [3] Địa danh.
 [4] Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [5] Ghi theo đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.
 [6] Cơ sở khám chữa bệnh tiếp nhận người thực hành.
 [7] Ghi cụ thể thời gian thực hành từ ngày... tháng... năm...đến ngày...tháng ... năm....
 [8] Nhận xét cụ thể về khả năng thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo chuyên khoa đăng ký thực hành.
 [9] Nhận xét cụ thể về giao tiếp, ứng xử của người đăng ký thực hành đối với đồng nghiệp và người bệnh.

16. Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 46 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Phòng/Ban quân y cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng;

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của người hành nghề và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết;

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền cấp lại giấy phép hành nghề. Trường hợp không cấp lại giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Bước 4. Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cấp có thẩm quyền ban hành quyết định cấp lại giấy phép hành nghề và trả giấy phép hành nghề cho người hành nghề.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Bản chính chứng chỉ hành nghề đã được cấp trừ trường hợp chứng chỉ hành nghề bị mất;

c) Hai ảnh chân dung màu, nền trắng, kích thước 04 cm x 06 cm, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

- *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy phép hành nghề.

- *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Có.

Cấp lại giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP và trường hợp người hành nghề được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 02. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....[1] ..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

. Kính gửi:

Họ và tên:

Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email: (nếu có):.....

Chức danh chuyên môn:[2]

Số giấy phép hành nghề đã được cấp:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp:.....

Lý do xin cấp lại:[3].....

Tôi xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau: [4]

(1)

(2)

(3)

XÁC NHẬN CỦA CHỦ HUY ĐƠN VỊ [5]

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Địa danh.

[2] Ghi theo chức danh quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[3] Ghi rõ trường hợp cấp lại giấy phép hành nghề cụ thể theo quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[4] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[5] Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

17. Thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Phòng/Ban quân y cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp bị ốm đau, tai nạn hoặc trường hợp bất khả kháng tại thời điểm nộp hồ sơ gia hạn thì phải có văn bản thông báo cho Cơ quan được giao quản lý về y tế để lùi thời gian nộp hồ sơ cấp giấy phép hành nghề.

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh được đề nghị lùi thời điểm gia hạn nhiều lần nhưng tổng thời gian lùi thực hiện gia hạn không quá 22 tháng, kể từ ngày giấy phép hành nghề hết hạn.

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh không hành nghề tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân thì thực hiện thủ tục gia hạn tại Bộ Y tế hoặc Sở Y tế;

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của người hành nghề và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết;

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền gia hạn giấy phép hành nghề. Trường hợp không gia hạn giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Bước 4. Trong thời hạn kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề, cơ quan cấp giấy phép hành nghề có trách nhiệm thực hiện việc gia hạn hoặc phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do nếu không thực hiện việc gia hạn; trường hợp đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề mà không có văn bản trả lời thì giấy phép hành nghề tiếp tục có hiệu lực theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).

3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ: Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị hết hạn trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Giấy phép hành nghề đã được cấp;

c) Tài liệu chứng minh đã cập nhật đủ kiến thức y khoa liên tục trong khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 22 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hành nghề.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Có.

Gia hạn giấy phép hành nghề áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh khi đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 04. Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...[1]..., ngày... tháng... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi:

Họ và tên:

Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại: Email (nếu có):.....

Giấy phép hành nghề số:Nơi cấp:.....

Tôi xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau [2]:

(1)

(2)

(3)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Địa danh.

[2] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

18. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Phòng/Ban quân y cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Bước 2. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng tổng hợp, lập danh sách gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử về Cơ quan được giao quản lý về y tế kèm theo hồ sơ đề nghị của người hành nghề và công văn đề nghị của thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cơ quan được giao quản lý về y tế phải có văn bản trả lời đơn vị gửi hồ sơ, trong đó nêu cụ thể lý do không hợp lệ, yêu cầu sửa đổi hoặc bổ sung tài liệu có trong hồ sơ đề nghị. Thời gian sửa đổi, bổ sung tài liệu có trong hồ sơ không được tính vào thời hạn giải quyết.

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được giao quản lý về y tế xét duyệt hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh giấy phép hành nghề. Trường hợp không điều chỉnh giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cấp có thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh giấy phép hành nghề và trả giấy phép hành nghề cho người hành nghề.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).
3. Chuyển dữ liệu điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

Trường hợp 1: Hồ sơ đề nghị bổ sung phạm vi hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP trong giai đoạn chuyển tiếp, bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Một trong các giấy tờ sau: Văn bằng đào tạo chuyên khoa, văn bằng thạc sỹ, văn bằng tiến sỹ chứng chỉ đào tạo chuyên khoa phù hợp với phạm vi hành nghề đề nghị bổ sung;

c) Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP đối với trường hợp sử dụng chứng chỉ đào tạo chuyên khoa hoặc văn bằng đào tạo chuyên khoa quá 24 tháng tính từ ngày được cấp đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề.

Trường hợp 2: Hồ sơ đề nghị thay đổi phạm vi hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP, bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP;

b) Một trong các giấy tờ sau: Văn bằng đào tạo chuyên khoa, văn bằng thạc sỹ, văn bằng tiến sỹ chứng chỉ đào tạo chuyên khoa phù hợp với phạm vi hành nghề đề nghị thay đổi và khác với chuyên khoa trong giấy phép hành nghề đã được cấp;

c) Bản chính giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp;

d) Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP đối với trường hợp sử dụng chứng chỉ đào tạo chuyên khoa hoặc văn bằng đào tạo chuyên khoa quá 24 tháng tính từ ngày được cấp đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 25 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

- *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy phép hành nghề.

- *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

1. Đơn đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

2. Quyết định về việc điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng theo Mẫu số 01a Phụ lục V kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

3. Giấy xác nhận thời gian thực hành theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Có.

1. Điều chỉnh giấy phép hành nghề áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024, trong phạm vi hành nghề chưa có chuyên khoa và đề nghị bổ sung thêm chuyên khoa vào phạm vi hành nghề;

b) Đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024, trong phạm vi hành nghề đã có chuyên khoa nhưng

đề nghị bổ sung thêm chuyên khoa khác so với chuyên khoa đã được cấp trong phạm vi hành nghề;

c) Đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024, trong phạm vi hành nghề đã có chuyên khoa nhưng đề nghị thay đổi chuyên khoa đã được cho phép hành nghề bằng chuyên khoa khác và không hành nghề theo chuyên khoa đã được cấp trong phạm vi hành nghề trước đó.

2. Điều kiện cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề:

a) Đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 nhưng trong phạm vi hành nghề chưa có chuyên khoa và đề nghị bổ sung thêm chuyên khoa vào phạm vi hành nghề phải đáp ứng điều kiện: Có một trong các văn bằng đào tạo theo quy định tại các điểm b, c, d và đ hoặc e khoản 1 Điều 43 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP hoặc có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP tương ứng với chức danh trên giấy phép hành nghề và chuyên khoa đề nghị bổ sung.

Trường hợp được cấp chứng chỉ chuyên khoa cơ bản thì phải thực hành chuyên khoa tương ứng với chuyên khoa đã được đào tạo ghi trên chứng chỉ chuyên khoa cơ bản đến khi tổng thời gian đào tạo chuyên khoa cơ bản và thời gian thực hành đủ 18 tháng (xác định theo thời điểm bắt đầu đào tạo chuyên khoa cơ bản).

Trường hợp người hành nghề được cấp văn bằng thạc sỹ, tiến sỹ lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải hoàn thành quá trình thực hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

b) Đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024, trong phạm vi hành nghề đã có chuyên khoa nhưng đề nghị bổ sung thêm chuyên khoa khác so với chuyên khoa đã được cấp trong phạm vi hành nghề phải đáp ứng điều kiện: Có một trong các văn bằng đào tạo theo quy định tại các điểm b, c, d và đ hoặc e khoản 1 Điều 43 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP hoặc có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP tương ứng với chức danh trên giấy phép hành nghề và chuyên khoa đề nghị bổ sung.

Trường hợp được cấp chứng chỉ chuyên khoa cơ bản thì phải thực hành chuyên khoa tương ứng với chuyên khoa đã được đào tạo ghi trên chứng chỉ chuyên khoa cơ bản đến khi tổng thời gian đào tạo chuyên khoa cơ bản và thời gian thực hành đủ 18 tháng (xác định theo thời điểm bắt đầu đào tạo chuyên khoa cơ bản).

Trường hợp người hành nghề được cấp văn bằng thạc sỹ, tiến sỹ lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải hoàn thành quá trình thực hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

c) Đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024, trong phạm vi hành nghề đã có chuyên khoa nhưng đề nghị thay đổi chuyên khoa phải đáp ứng điều kiện: Có một trong các văn bằng đào tạo theo quy định tại các điểm b, c, d và đ hoặc e khoản 1 Điều 43 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP tương ứng với chức danh trên giấy phép hành nghề và chuyên khoa đề nghị thay đổi.

Trường hợp người hành nghề được cấp văn bằng thạc sỹ, tiến sỹ lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải hoàn thành quá trình thực hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 03. Đơn đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...[1] ..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi:

Họ và tên:

Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Email: (nếu có):.....

Số giấy phép hành nghề:.....

Ngày cấp..... Nơi cấp:.....

Phạm vi hành nghề đã được cấp:.....

Chuyên khoa/Chuyên ngành đã được cấp:.....

Nội dung điều chỉnh:.....[2].....

Tôi xin gửi kèm theo đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau [3]:

(1)

(2)

(3)

XÁC NHẬN CỦA CHỈ HUY ĐƠN VỊ [4]

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

[1] Địa danh.

[2] Ghi rõ trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề cụ thể theo quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[3] Liệt kê đầy đủ các giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn. Các giấy tờ tài liệu phải đầy đủ và được sắp xếp theo thứ tự quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

[4] Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Mẫu số 01a. Quyết định về việc điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-BQP

.....[1]....., ngày.... tháng... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Theo đề nghị của [2]

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giấy phép hành nghề đối với đồng chí

Họ và tên: [3].....

Chứng minh thư quân đội/ CCCD số:....[4].....

Ngày cấp Nơi cấp:

Văn bằng chuyên môn: [5]

Số giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã cấp:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Phạm vi điều chỉnh:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Cá nhân có tên tại Điều 1 và ...[6]... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Địa danh.

[2] Ghi rõ chức danh người đứng đầu của đơn vị được giao chức năng đầu mối cấp, cấp lại như: Cục trưởng Cục..., Trưởng phòng....

[3] Ghi rõ tên của người được bổ sung phạm vi hành nghề bằng chữ in hoa đậm.

[4] Ghi một trong hai thông tin số chứng minh quân đội hoặc số chứng minh nhân dân (đối với LĐHĐ).

[5] Ghi theo đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP (Không ghi các chức danh học hàm, học vị, chức danh được phong tặng như: giáo sư, tiến sĩ, thầy thuốc ưu tú, anh hùng lao động...).

[6] Ghi cụ thể các cá nhân, đơn vị có liên quan (nếu cần).

Mẫu số 03. Giấy xác nhận thời gian thực hành

<p>.....[1]..... [2]</p> <p>Số: .../GXNTH-(cơ quan ban hành)</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <hr/> <p>... [3]..., ngày ... tháng ... năm</p>
<p>GIẤY XÁC NHẬN THỜI GIAN THỰC HÀNH</p>	
<p>..... [2]..... xác nhận:</p> <p>Họ và tên:.....</p> <p>Chứng minh quân đội (công an)/CCCD số:.....</p> <p>Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....</p> <p>Văn bằng chuyên môn:[5]</p> <p>Năm tốt nghiệp:.....</p> <p>đã thực hành tại.....[6]..... và đạt kết quả như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời gian thực hành:[7] 2. Năng lực chuyên môn:[8] 3. Đạo đức nghề nghiệp:[9] <p style="text-align: right; margin-top: 20px;"> [4].... <i>(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)</i> </p>	

- [1] Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [2] Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [3] Địa danh.
 [4] Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
 [5] Ghi theo đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.
 [6] Cơ sở khám chữa bệnh tiếp nhận người thực hành.
 [7] Ghi cụ thể thời gian thực hành từ ngày...tháng...nămđến ngày...tháng ... năm....
 [8] Nhận xét cụ thể về khả năng thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo chuyên khoa đăng ký thực hành.
 [9] Nhận xét cụ thể về giao tiếp, ứng xử của người đăng ký thực hành đối với đồng nghiệp và người bệnh.

19. Thủ tục đình chỉ hành nghề người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận về việc vi phạm đạo đức nghề nghiệp hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận về việc người hành nghề không đủ sức khỏe để hành nghề gửi văn bản về Cơ quan được giao quản lý về y tế.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, Cơ quan được giao quản lý về y tế báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đình chỉ hành nghề.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan được giao quản lý về y tế, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đình chỉ hành nghề theo Mẫu số 04a Phụ lục V kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP. Nội dung quyết định đình chỉ hành nghề phải căn cứ vào văn bản kết luận;

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định đình chỉ hành nghề của cấp có thẩm quyền, Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm:

a) Thông báo tới các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Quốc phòng quyết định đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

b) Gửi quyết định đình chỉ cho người hành nghề hoặc thực hiện việc giới hạn phạm vi hành nghề của người bị đình chỉ trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

c) Gửi quyết định đình chỉ cho cơ quan đã cấp giấy phép hành nghề cho người hành nghề đó đối với trường hợp cơ quan ra quyết định đình chỉ không phải là cơ quan đã cấp giấy phép hành nghề cho người hành nghề.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Trường hợp 1: Đối với trường hợp người hành nghề bị đình chỉ theo kết luận của Hội đồng chuyên môn quy định tại Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

- a) Công văn đề nghị.
- b) Văn bản kết luận của Hội đồng chuyên môn.

2. Trường hợp 2: Đối với trường hợp người hành nghề bị đình chỉ theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc vi phạm đạo đức nghề nghiệp nhưng

chưa đến mức phải thu hồi giấy phép hành nghề:

- a) Công văn đề nghị.
- b) Văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

3. Trường hợp 3: Đối với trường hợp người hành nghề bị đình chỉ do không đủ sức khỏe để hành nghề:

- a) Công văn đề nghị;
- b) Văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc người hành nghề không đủ sức khỏe để hành nghề.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- ***Thời hạn giải quyết:*** 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.
- ***Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.
- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định đình chỉ hành nghề.
- ***Phí, lệ phí (nếu có):*** Không.
- ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Mẫu số 04a Phụ lục V kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.
- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Không.
- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
 1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
 2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 04a. Quyết định đình chỉ hành nghề trong Bộ Quốc phòng

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BQP

...[3]... .., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH
Đình chỉ hành nghề

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quân y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ hành nghề đối với đồng chí.....[1].....

Giấy phép hành nghề số:.....[2]..... Cơ quan cấp:.....

Phạm vi hành nghề bị đình chỉ:.....

Điều 2. Đồng chí có tên tại Điều 1 không được hành nghề khám bệnh, chữa bệnh từ ngày ...tháng...nămđến ngày ...tháng...năm dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 3. Đồng chí có tên tại Điều 1 phải tham gia các khóa đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn về.....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Cục trưởng Cục Quân y và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cơ quan đã cấp GPHN (nếu có);
- Lưu:...

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Họ tên đầy đủ của người hành nghề.

[2] Số giấy phép hành nghề của người hành nghề.

[3] Địa danh nơi ban hành Quyết định.

20. Thủ tục thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong giai đoạn chuyển tiếp

- Trình tự thực hiện:

1. Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Bước 1. Cơ quan, đơn vị, cá nhân khi phát hiện người hành nghề thuộc trường hợp phải thu hồi giấy phép hành nghề phải thông báo cho Cơ quan được giao quản lý về y tế;

Bước 2. Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm xác minh hồ sơ, tài liệu và thông tin do cơ quan, đơn vị, cá nhân cung cấp, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định;

Bước 3. Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02a Phụ lục V kèm theo Nghị định số 16/2024/NĐ-CP.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề của người hành nghề trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo, tổng đạt của cơ quan có thẩm quyền về việc người hành nghề thuộc trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 20 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh do Hội đồng chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự thành lập theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 101 Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, Chủ tịch Hội đồng chuyên môn có trách nhiệm ký văn bản gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Hội đồng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm báo cáo Phòng/Ban quân y cấp trên trực tiếp cho tới đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề;

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo bằng văn bản về Cơ quan được giao quản lý về y tế;

Bước 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, Cơ quan được giao quản lý về y tế báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề;

Bước 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Cơ quan được giao quản lý về y tế, Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu

hồi giấy phép hành nghề. Nội dung quyết định thu hồi phải căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn.

4. Đối với trường hợp quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh do Hội đồng chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về y tế quản lý trực tiếp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thành lập theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 101 Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, Chủ tịch Hội đồng chuyên môn có trách nhiệm ký văn bản gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề.

Trường hợp Hội đồng chuyên môn do Bộ Y tế thành lập, Chủ tịch Hội đồng chuyên môn ký văn bản báo cáo Bộ Y tế ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề và thông báo đến Cơ quan được giao quản lý về y tế;

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn quy định tại điểm a khoản này, Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề;

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Cơ quan được giao quản lý về y tế, Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề. Nội dung quyết định thu hồi phải căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn.

5. Đối với trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kết luận người hành nghề lần thứ hai trong thời hạn của giấy phép hành nghề có vi phạm đạo đức nghề nghiệp đến mức phải đình chỉ hành nghề của cơ quan có thẩm quyền, Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề;

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Cơ quan được giao quản lý về y tế, Bộ Quốc phòng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề. Nội dung quyết định thu hồi phải căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn.

6. Đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Cơ quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm tiếp nhận đơn đề nghị và giấy phép hành nghề do cá nhân cung cấp; báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề và văn bản xác nhận đã được cơ quan cấp phép thuộc lực lượng vũ trang nhân dân cấp giấy phép hành nghề trong đó nêu rõ số giấy phép hành nghề, ngày cấp, nơi cấp, thông tin cá nhân, chức danh chuyên môn, phạm vi hành nghề.

7. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi, Cơ

quan được giao quản lý về y tế có trách nhiệm:

Bước 1. Gửi quyết định cho người hành nghề và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quản lý người hành nghề;

Bước 2. Thực hiện việc hủy bỏ đăng ký hành nghề của người hành nghề đó trên hệ thống thông tin quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

Bước 3. Thông báo tới các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Quốc phòng quyết định thu hồi giấy phép hành nghề của người hành nghề.

- Cách thức thực hiện:

1. Trực tiếp.
2. Bưu chính (quân bưu).

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Trường hợp 1: Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm: Văn bản thông báo của đơn vị, cá nhân khi phát hiện người hành nghề thuộc trường hợp phải thu hồi giấy phép hành nghề;

2. Trường hợp 2: Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm: Văn bản thông báo, tổng đạt của cơ quan có thẩm quyền về việc người hành nghề thuộc trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 20 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Trường hợp 3: Đối với trường hợp quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh do Hội đồng chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự thành lập theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 101 Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm:

a) Văn bản kết luận của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Văn bản của đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo về Cơ quan được giao quản lý về y tế, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề.

4. Trường hợp 4: Đối với trường hợp quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh do Hội đồng chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về y tế quản lý trực tiếp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thành lập theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 101 Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm: Văn bản kết luận của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn gửi Cơ quan được giao quản lý về y tế, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề.

5. Trường hợp 5: Đối với trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm: Văn bản kết luận người hành nghề lần

thứ hai trong thời hạn của giấy phép hành nghề có vi phạm đạo đức nghề nghiệp đến mức phải đình chỉ hành nghề của cơ quan có thẩm quyền.

6. Trường hợp 6: Đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm:

- a) Đơn đề nghị;
- b) Giấy phép hành nghề.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 10-25 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, Cá nhân.
- *Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần.
- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề.
- *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.
- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề theo Mẫu số 02a Phụ lục V kèm theo Nghị định 16/2024/NĐ-CP.
- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Có.

Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

1. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
2. Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 02a. Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BQP

...[4]....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số[1]... của đồng chí[2].....

Điều 2. Lý do thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:.....

Điều 3. Đồng chí có tên tại Điều 1 không được hành nghề khám bệnh, chữa bệnh kể từ ngàytháng....năm dưới bất kỳ hình thức nào và chỉ được tiếp tục hành nghề khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5.[3].....và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cơ quan đã cấp CCHN (nếu có);
- Lưu:...

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[1] Số giấy phép hành nghề của người hành nghề.

[2] Họ tên đầy đủ của người hành nghề.

[3] Cơ quan, cá nhân có liên quan.

[4] Địa danh nơi ban hành Quyết định.